

Bản án số: 27/2019/HS-ST
Ngày 29-3-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sái Đức Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Đường

Ông Nguyễn Văn Gia

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Hải-Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2019/TLST-HS, ngày 28 tháng 02 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên **Vũ Duy K**, sinh năm: 1989.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm H, xã T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vũ Văn T (đã chết) và bà: Nguyễn Thị P; Vợ: chưa có; Gia đình bị cáo có 04 chị em, bị cáo là con thứ 04.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 02/04/2018, bị Công an thị xã P, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Nhân thân:

- Ngày 9/03/2012, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 09(Chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

- Ngày 26/3/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 08(Tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/12/2018 đến 22/01/2019, được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

Bị hại: Ông Hoàng Đình H, sinh năm: 1962.

Nơi cư trú: Xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Trịnh Văn Tr, sinh năm: 1982.

Nơi cư trú: Tổ 7, phường T, TP.T, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm: 1967.

Nơi cư trú: Xóm X 1, xã B, TP.S, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

3. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1962.

Nơi cư trú: Xóm H, xã T, TP.T, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

Người làm chứng:

1. Chị Lương Thị Minh T, sinh năm: 1982.

Nơi cư trú: Tổ 7, phường T, TP.T, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

2. Bà Hoàng Thị Đ, sinh năm: 1966.

Nơi cư trú: Xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ 00 ngày 18/12/2018 Vũ Duy K, sinh năm 1989, trú tại: xóm H, xã T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, đi xe mô tô nhãn hiệu Yamha BKS 20B1-86368, đằng sau là Đỗ Ngọc T, sinh năm 1990, trú tại: xóm X 1, xã B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên, khi đi K và T cầm theo một bộ súng bắn điện tự chế đi từ thành phố T sang thành phố S và huyện P mục đích để đi bắt trộm chó. Khi đi trên đường

thuộc xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. K thấy có một con chó lông màu vàng nặng khoảng 15 kg đang đi ở rìa đường không có chủ quản lý. K điều khiển xe mô tô đi đến gần con chó thì T dùng súng bắn điện tự chế bắn làm con chó bất động. K dừng xe lại, T xuống xe và cầm con chó đã bị bất động cho vào trong bao tải. Rồi cả hai tiếp tục đi, khi đến tổ dân phố P, phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên, thì K thấy một con chó lông màu đen, cả hai đã thực hiện hành vi tương tự và lấy trộm được con chó này. K và T mang 02 con chó vừa lấy trộm được đến nhà Trịnh Văn T, sinh năm 1982, trú tại tổ 7, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên để bán. Khi đang chuẩn bị giao dịch thì Tổ công tác Công an thành phố T đến kiểm tra phát hiện thu giữ lập biên bản, Tăng đã bỏ chạy thoát.

Công an thành phố T đã lập hồ sơ vụ việc ban đầu và bàn giao hồ sơ vụ việc xảy ra tại địa bàn xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P thụ lý điều tra theo thẩm quyền. Đối với vụ việc tiếp theo xảy ra tại tổ dân phố P, phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố S, tỉnh Thái Nguyên xác minh điều tra theo thẩm quyền.

Ngày 20/12/2018, Hội đồng định giá tài sản huyện P đã có kết luận định giá số 289/KL-ĐG, kết luận: 01 con chó lông màu vàng, nặng 15 kg giá trị tài sản là 1.150.000đ (Một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại cơ quan điều tra, Vũ Duy K đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 24/CT-VKS-PB ngày 28/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố Vũ Duy K về tội: “Trộm cắp tài sản”, theo điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Vũ Duy K thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Trong phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã giữ quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Vũ Duy K phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Vũ Duy K từ 09 đến 12 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị X 01 xe mô tô nhãn hiệu yamaha sirius BKS 20B1- 86368;

- Tạm giữ của bị cáo K 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen, có số IMEI: 355826/01/635335/5 để đảm bảo cho việc Thi hành án;

Trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay bị hại ông H trình bày đã nhận lại được tài sản 01 con chó có đặc điểm nêu trên và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì và đề nghị xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất để bị cáo cải tạo sớm trở về với gia đình trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên; của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, lời khai nhận tội của bị cáo đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố và phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử khẳng định: khoảng 04 giờ 00 phút ngày 18/12/2018, bị cáo Vũ Duy K đã có hành vi trộm cắp tài sản 01 con chó có lông màu vàng, nặng 15kg của gia đình ông Hoàng Đình H trị giá 1.150.000 đồng, mục đích để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân, nhưng chưa kịp tiêu thụ thì bị Công an phát hiện bắt quả tang thu giữ toàn bộ vật chứng. Bị cáo chiếm đoạt tài sản dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây: *Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;*

Như vậy, hành vi của bị cáo K có đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản", theo điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh nêu trên là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp tới quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự của địa phương còn là nguyên nhân phát sinh các tội phạm khác. Hành vi đó cần phải xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo; gây thiệt hại không lớn, được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[6] Xét về nhân thân: Ngày 09/03/2012, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 09(Chín) tháng tù về tội trộm cắp tài sản, bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện trở thành công dân tốt mà lại tiếp tục phạm tội tỏ ra coi thường pháp luật. Vì vậy, cần phải có mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục thành công dân tốt.

[7] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy bị cáo không có thu nhập ổn định và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng như sau:

- Cơ quan CSĐT Công an huyện P đã ra quyết định xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo Khánh chiếc xe mô tô BKS 20B2-00055 để quản lý và sử dụng

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu yamaha sirus BKS 20B1- 86368 mang tên bà Nguyễn Thị X (là mẹ đẻ của Đỗ Duy T), do T và bị cáo K dùng làm phương tiện phạm tội; bà cho T dùng làm phương tiện đi lại và không biết dùng làm phương tiện phạm tội nên cần trả lại cho bà X quản lý và sử dụng;

- Đối với 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen, có số IMEI: 355826/01/635335/5 của bị cáo K cần tạm giữ để bảo đảm cho việc thi hành án.

[9] Trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại ông H trình bày đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm và đề nghị xử lý bị cáo theo pháp luật, xét thấy yêu cầu của bị hại là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[10] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[11] Trong vụ án này còn có đối tượng Đỗ Duy T cùng tham gia trộm cắp tài sản cùng bị cáo, hiện đang bỏ trốn không có mặt ở địa phương, Cơ quan CSĐT Công an huyện P tiến hành xác minh và xử lý theo quy định của pháp luật.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Điểm a khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

- Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Duy K phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.
2. Về hình phạt chính: Xử phạt Vũ Duy K **09**(Chín) tháng tù, được trừ đi số ngày tạm giam từ 21/12/2018 đến 22/01/2019. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bắt đi thi hành án.
3. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:
 - Trả lại cho bà Nguyễn Thị X 01 xe mô tô nhãn hiệu yamaha sirus BKS 20B1- 86368;
 - Tạm giữ của bị cáo K 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen, có số IMEI: 355826/01/635335/5 để bảo đảm cho việc thi hành án.*(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/3/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra của Công an huyện P và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P).*
4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo K phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp sung quỹ Nhà nước.
5. Thông báo quyền kháng cáo: Bị cáo K; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà X có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: anh Tr, bà P vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện P;
- Cơ quan điều tra CA huyện P;
- CQTHAHS Công an huyện P;
- CCTHA-DS huyện P;
- Bị cáo-BH, NLQ;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sái Đức Trung

